

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 10512 /UBND-KTN

Đồng Nai, ngày 09 tháng 10 năm 2023

V/v đơn đốc thực hiện việc lập kế
hoạch sử dụng đất 05 năm 2021-2025
tỉnh Đồng Nai.



Kính gửi:

- Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ tịch UBND các huyện, thành phố Long Khánh và thành phố Biên Hòa.

Ngày 05/10/2023, Bộ Tài nguyên và Môi trường có Văn bản số 8523/BTNMT-QHPTTND về việc rà soát nhu cầu điều chỉnh các chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất. Sau khi xem xét Văn bản số 8124/STNMT-QH ngày 06/10/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc rà soát nhu cầu điều chỉnh các chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất đã được phân bổ đến năm 2025 (File điện tử kèm theo), Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến chỉ đạo như sau:

Giao UBND các huyện, thành phố nghiên cứu ý kiến chỉ đạo của Bộ Tài nguyên và Môi trường tại văn bản nêu trên, rà soát hồ sơ, tình hình kết quả thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh tại Văn bản số 10182/UBND-KTN ngày 02/10/2023, tổng hợp báo cáo theo yêu cầu của Bộ Tài nguyên và Môi trường tại Văn bản số 8523/BTNMT-QHPTTND ngày 05/10/2023, Văn bản số 8141/BTNMT-QHPTTND ngày 25/9/2023, gửi Sở Tài nguyên và Môi trường **trước ngày 13/10/2023** tổng hợp, tham mưu đề xuất kèm theo dự thảo trình UBND tỉnh báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường **trước ngày 18/10/2023**.

Do thời gian yêu cầu gấp, đề nghị các đơn vị nêu trên khẩn trương thực hiện báo cáo đúng thời gian quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch, các Phó CT UBND tỉnh;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Chánh, Phó Văn Phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTN.

VinhKTN.ke hoạch SDD 5 nam



Võ Văn Phi

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 8124 /STNMT-QH

Đồng Nai, ngày 06 tháng 10 năm 2023

V/v rà soát nhu cầu điều chỉnh các chỉ tiêu sử dụng đất đã được phân bổ đến năm 2025.

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai.

Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh tại Văn bản số 10182/UBND-KTN ngày 02/10/2023 về việc đôn đốc thực hiện việc lập kế hoạch sử dụng đất 05 năm 2021-2025 tỉnh Đồng Nai. Đến nay, Sở Tài nguyên và Môi trường đã nhận được các báo cáo của 11/11 huyện, thành phố.

Trên cơ sở đề xuất chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2025 của UBND các huyện, thành phố Long Khánh và thành phố Biên Hòa, Sở Tài nguyên và Môi trường đã tổng hợp và so sánh với chỉ tiêu đã được Thủ tướng Chính phủ phân bổ tại Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022. (Chi tiết tại Phụ kèm theo).

Qua rà soát biểu tổng hợp, Sở Tài nguyên và Môi trường nhận thấy một số chỉ tiêu các huyện, thành phố đề xuất chưa phù hợp với chỉ tiêu Thủ tướng Chính phủ phân bổ tại Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022 và các nội dung báo cáo của UBND các huyện chưa đảm bảo theo yêu cầu của Bộ Tài nguyên và Môi trường tại Công văn số 8141/BTNMT-QHPTTND ngày 25/9/2023.

Đồng thời, ngày 05/10/2023, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã có Công văn số 8523/BTNMT-QHPTTND về việc rà soát nhu cầu điều chỉnh các chỉ tiêu sử dụng đất đã được phân bổ đến năm 2025. Trong đó, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã chỉ đạo các địa phương báo cáo kết quả sử dụng đất theo yêu cầu của Bộ Tài nguyên và Môi trường tại Công văn số 8141/BTNMT-QHPTTND ngày 25/9/2023. Đối với đề xuất nhu cầu điều chỉnh chỉ tiêu sử dụng đất, đề nghị rà soát, tính toán làm rõ diện tích từng công trình, dự án theo từng chỉ tiêu sử dụng đất đề xuất bổ sung đến năm 2025; các loại đất phải chuyển mục đích để thực hiện các công trình, dự án này; cung cấp đầy đủ các hồ sơ, căn cứ pháp lý; xây dựng báo cáo theo đề cương tại Phụ lục số 01, số liệu tổng hợp theo các Phụ lục số 04.1, Phụ lục số 04.2, Phụ lục số 04.3, Phụ lục số 04.4 kèm theo.

Do đó, Sở Tài nguyên và Môi trường kính đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo các địa phương báo cáo theo đề cương tại các Phụ lục theo yêu cầu của Bộ Tài nguyên và Môi trường tại Công văn số 8141/BTNMT-QHPTTND ngày 25/9/2023 gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường **trước ngày 12/10/2023**.

Sở Tài nguyên và Môi trường kính báo cáo UBND tỉnh xem xét, chỉ đạo thực hiện./.

(Đính kèm Công văn số 8523/BTNMT-QHPTTND ngày 05/10/2023, số 8141/BTNMT-QHPTTND ngày 25/9/2023, Phụ lục số 01, số liệu tổng hợp theo các Phụ lục số 04.1, Phụ lục số 04.2, Phụ lục số 04.3, Phụ lục số 04.4 của Bộ Tài nguyên và Môi trường).

Nơi nhận:

- Như trên;
 - UBND các huyện, thành phố;
 - Lưu: VT, QH (Phương 02b).
- D/QHKH/2023.

GIÁM ĐỐC



Đặng Minh Đức

STT	Chi tiêu	Loại đất	Chi tiêu để xuất										Chi tiêu SDD đến năm 2025 theo QĐ 326/QĐ-TTg	Số sánh	
			Cắm Mỹ	Định Quán	Long Thành	Nhơn Trạch	Tân Phú	Thống Nhất	Trảng Bom	Vĩnh Cửu	Xuân Lộc	Biên Hòa			Long Khánh
-	Đất chưa sử dụng còn lại		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	9	9
4	Đất khu kinh tế	KKT	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0
5	Đất khu công nghệ cao	KCN	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	208	208
6	Đất đô thị	KDT	3.378	-	916	-	-	-	17.376	-	-	-	-	21.669	61.684
															40.015

- Đất phát triển hạ tầng *: Không tính đất di tích lịch sử văn hóa, đất bãi thải xử lý chất thải, do hệ thống mẩu đã tách riêng

- Diện tích đất khu kinh tế, đất khu công nghệ cao, đất đô thị không tổng hợp khi tính tổng diện tích tự nhiên

ĐỀ XUẤT ĐIỀU CHỈNH CHỈ TIÊU SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2025

STT	Chỉ tiêu	Chỉ tiêu phân bổ đến năm 2025 tại QĐ 326/QĐ-TTg (ha)	Đề xuất địa phương đến 2025 (ha)		Ghi chú (làm rõ chuyển sang loại đất nào)
			Diện tích	So sánh	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Đất nông nghiệp				
	Trong đó:				
1.1	Đất trồng lúa	5,000	4,220	780	SKK (400 ha); DGT (300ha), DNL (80 ha)
	Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước				
1.2	Đất rừng phòng hộ				
1.3	Đất rừng đặc dụng				
1.4	Đất rừng sản xuất				
	Trong đó: Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên				
1.5	Các loại đất nông nghiệp còn lại				
2	Đất phi nông nghiệp				
	Trong đó:				
2.1	Đất khu công nghiệp	300	1,080	780	LUA (400ha); CLN (380ha)..
2.2	Đất quốc phòng				
2.3	Đất an ninh				
2.4	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia				
	Trong đó:				

STT	Chỉ tiêu	Chỉ tiêu phân bổ đến năm 2025 tại QĐ 326/QĐ-TTg (ha)	Đề xuất địa phương đến 2025 (ha)		Ghi chú (làm rõ chuyển sang loại đất nào)
			Diện tích	So sánh	
-	Đất giao thông	15,000	15,300	300	LUA (300ha)...
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa				
-	Đất xây dựng cơ sở y tế				
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo				
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao				
-	Đất công trình năng lượng				
-	Đất công trình bưu chính, viễn thông				
-	Các loại đất phát triển hạ tầng còn lại				
2.5	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia				
2.6	Đất có di tích lịch sử - văn hóa				
2.7	Đất bãi thải, xử lý chất thải				
2.8	Các loại đất phi nông nghiệp còn lại				
3	Đất chưa sử dụng				
4	Đất khu kinh tế				
5	Đất khu công nghệ cao				
6	Đất đô thị				

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH.....
 (Ký tên, đóng dấu)

NGƯỜI LẬP BIỂU

Phụ lục 04.1:

KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN 31/8/2023 ƯỚC THỰC HIỆN ĐẾN 31/12/2023

(Kèm theo Công văn số... /BTNMT ngày tháng năm 2023)

STT	Chỉ tiêu	Hiện trạng năm 2020 (ha)	Kết quả thực hiện đến 31/8/2023 (số liệu thống kê đất đai)		Ước thực hiện đến 31/12/2023 (ha)*		Chỉ tiêu phân bổ đến năm 2025 tại QĐ 326/QĐ-TTg (ha)		Tỷ lệ thực hiện (%)
			Diện tích	So sánh	Diện tích	So sánh	Diện tích	So sánh	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(4)-(3)	(6)	(7)=(6)-(3)	(8)	(9)=(8)-(3)	(10)=(5)(9)*100
									0
1	Đất nông nghiệp								
1.1	Đất trồng lúa								
	Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước								
1.2	Đất rừng phòng hộ								
1.3	Đất rừng đặc dụng								
1.4	Đất rừng sản xuất								
	Trong đó: Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên								
1.5	Các loại đất nông nghiệp còn lại								
2	Đất phi nông nghiệp								
2.1	Đất khu công nghiệp								
2.2	Đất quốc phòng								
2.3	Đất an ninh								
2.4	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia								
-	Đất giao thông								
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa								
-	Đất xây dựng cơ sở y tế								
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo								
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao								
-	Đất công trình năng lượng								
-	Đất công trình bưu chính, viễn thông								
-	Các loại đất phát triển hạ tầng còn lại								
2.5	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia								
2.6	Đất có di tích lịch sử - văn hóa								
2.7	Đất bãi thải, xử lý chất thải								
2.8	Các loại đất phi nông nghiệp còn lại								
3	Đất chưa sử dụng								
4	Đất khu kinh tế								
5	Đất khu công nghệ cao								
6	Đất đô thị								

Ghi chú:

- Cột (3) thể hiện số liệu kiểm kê đất đai năm 2019;
- Cột (4) thể hiện số liệu thực hiện đến 31/8/2023 (theo các quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất từ 01/01/2023 đến 31/8/2023).
- Đối với chỉ tiêu **Đất chưa sử dụng** thì phải bóc tách diện tích đất đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa giao, chưa cho thuê.
- * Ghi chú: Cung cấp tài liệu chứng minh số liệu ước thực hiện

NGƯỜI LẬP BIỂU

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH.....
(Ký tên, đóng dấu)

Số: 8523 /BTNMT-QHPTTND

V/v rà soát nhu cầu điều chỉnh các chỉ tiêu sử dụng
đất đã được phân bổ đến năm 2025

Hà Nội, ngày 05 tháng 10 năm 2023

Kính gửi: - Bộ Quốc phòng;
- Bộ Công an;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Công điện số 360/CD-TTg ngày 02 tháng 5 năm 2023, Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành các Công văn số 3226/BTNMT-QHPTTND ngày 10 tháng 5 năm 2023 về việc báo cáo theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Công điện số 360/CD-TTg và Công văn số 8141/BTNMT-QHPTTND ngày 25 tháng 9 năm 2023 gửi Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về việc báo cáo kết quả thực hiện chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất và Công văn số 400/BTNMT-QHPTTND-m ngày 25 tháng 7 năm 2023 gửi Bộ Quốc phòng và Bộ Công an đề nghị đề xuất điều chỉnh chỉ tiêu sử dụng đất quốc phòng, đất an ninh đến năm 2025 tại Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2023. Cục Quy hoạch và Phát triển tài nguyên đất ban hành Công văn số 1213/QHPTTND-PQHĐĐ và 1216/QHPTTND-PQHĐĐ ngày 22 tháng 6 năm 2023 gửi Sở Tài nguyên và Môi trường các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về việc cung cấp hồ sơ tài liệu căn cứ pháp lý đề xuất điều chỉnh chỉ tiêu sử dụng đất theo Quyết định số 326/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và Công văn số 1300/QHPTTND-PQHĐĐ ngày 01 tháng 7 năm 2023 gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư đề nghị cung cấp thông tin số liệu về tình hình quản lý, sử dụng các khu công nghiệp.

Trên cơ sở hồ sơ, báo cáo của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, số liệu đề xuất của Bộ Quốc phòng (Công văn số 2824/BQP-TM ngày 8 tháng 8 năm 2023) của Bộ Công an (Công văn số 2997/BCA-H02 ngày 25 tháng 8 năm 2023) và số liệu về diện tích các khu công nghiệp do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cung cấp (Công văn số 7283/BKHĐT-QLKKT ngày 6 tháng 9 năm 2023), tuy nhiên báo cáo, hồ sơ tài liệu của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố có đề xuất điều chỉnh chỉ tiêu sử dụng đất chưa làm rõ được kết quả thực hiện, cơ sở pháp lý để đề xuất điều chỉnh các chỉ tiêu sử dụng đất đã được phân bổ. Để có cơ sở rà soát, hoàn thiện phương án điều chỉnh các chỉ tiêu sử dụng đất sát với tình hình thực tế của các địa phương, Bộ Tài nguyên và Môi trường đề nghị:

1. Bộ Quốc phòng, Bộ Công an rà soát, làm rõ vị trí, các loại đất cần chuyển mục đích để thực hiện các công trình, dự án của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an trên địa bàn từng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đến năm 2025 (theo Phụ lục 02 và Phụ lục 03 gửi kèm theo).

2. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương báo cáo kết quả sử dụng đất theo yêu cầu của Bộ Tài nguyên và Môi trường tại Công văn số 8141/BTNMT-QHPTTND ngày 25 tháng 9 năm 2023. Đối với đề xuất nhu cầu điều chỉnh chỉ tiêu sử dụng đất, đề nghị rà soát, tính toán làm rõ diện tích từng công trình, dự án theo từng chỉ tiêu sử dụng đất đề xuất bổ sung đến năm 2025; các loại đất phải chuyển mục đích để thực hiện các công trình, dự án này; cung cấp đầy đủ các hồ sơ, căn cứ pháp lý; xây dựng báo cáo theo Đề cương tại Phụ lục số 01, số liệu tổng hợp theo các Phụ lục số 04.1, Phụ lục số 04.2, Phụ lục số 04.3, Phụ lục số 04.4 gửi kèm theo.

Báo cáo và tài liệu gửi về Bộ Tài nguyên và Môi trường **trước ngày 20 tháng 10 năm 2023** (qua Cục Quy hoạch và Phát triển tài nguyên đất, bản số gửi vào địa chỉ thư điện tử: *phongquyhoachdatdai@monre.gov.vn*).

Trân trọng cảm ơn sự phối hợp của Quý Ủy ban./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phó Thủ tướng Trần Hồng Hà (để b/c);
- Bộ trưởng Đặng Quốc Khánh (để b/c);
- Bí thư Tỉnh ủy, Thành ủy trực thuộc TƯ (để chỉ đạo);
- Chủ tịch UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TƯ (để chỉ đạo);
- Sở TNMT các tỉnh, thành phố trực thuộc TƯ;
- Lưu: VT, VP(TH), QHPTTND (PQHĐĐ).



Số: 8141 /BTNMT-QHPTTND

V/v báo cáo kết quả thực hiện
chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất

Hà Nội, ngày 25 tháng 9 năm 2023

Kính gửi: Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Công điện số 360/CĐ-TTg ngày 02 tháng 5 năm 2023 về báo cáo kết quả thực hiện chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất đã được Thủ tướng Chính phủ phân bổ tại Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2022 (sau đây gọi là Quyết định số 326/QĐ-TTg). Trên cơ sở kết quả làm việc với Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và để đảm bảo việc xây dựng phương án điều chỉnh chỉ tiêu sử dụng đất sát với thực tế, Bộ Tài nguyên và Môi trường đề nghị:

1. Khẩn trương rà soát, tổng hợp kết quả thực hiện các chỉ tiêu sử dụng đất đã được Thủ tướng Chính phủ phân bổ tại Quyết định số 326/QĐ-TTg đến 31 tháng 8 năm 2023 (tổng hợp theo Phụ lục gửi kèm).

2. Báo cáo thuyết minh, làm rõ tình hình, biến động sử dụng đất từ 31 tháng 12 năm 2022 (theo số liệu thống kê đất đai năm 2022) đến 31 tháng 8 năm 2023, trong đó:

- Tổng hợp các quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất theo từng công trình, dự án (gửi kèm file số các quyết định này);

- Đối với chỉ tiêu đất chưa sử dụng cần bóc tách, báo cáo làm rõ diện tích đất đã ban hành quyết định thu hồi đất nhưng chưa giao đất, chưa cho thuê đất theo từng công trình, dự án.

Báo cáo gửi về Bộ Tài nguyên và Môi trường trước ngày 30 tháng 9 năm 2023 (qua Cục Quy hoạch và Phát triển tài nguyên đất, bản số gửi vào địa chỉ thư điện tử: phongquyhoachdatdai@monre.gov.vn).

Trân trọng cảm ơn sự phối hợp của Quý Ủy ban./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng Đặng Quốc Khánh (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ;
- Sở TN&MT các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Lưu VT, VP(TH), QHPTTND(PQHĐĐ).

